

Bảng tra âm Hán Việt – âm ON

(Bản thử nghiệm 03)

Bảng tra âm Hán Việt – âm ON

(Bản thử nghiệm 03)

Bảng tra âm Hán Việt – âm ON

(Bản thử nghiệm 03)

Bảng tra âm Hán Việt – âm ON

(Bản thử nghiệm 03)

Bảng tra âm Hán Việt – âm ON

(Bản thử nghiệm 03)

Bảng tra âm Hán Việt – âm ON

(Bản thử nghiệm 03)

VIỆN	院	いん
VIỆN	援	えん
VIỆT	越	えつ
VỊNH	栄	えい
VĨNH	永	えい
VĨNH	泳	えい
VĨNH	詠	えい
VÕ	武	ぶ
VÕ	武	む
VÔNG	亡	ぼう
VÔNG	忘	ぼう
VÕNG	網	もう
VỌNG	妄	ぼう
VỌNG	望	ぼう
VỌNG	妾	もう
VỌNG	望	もう
VÔ	無	ぶ
VÔ	無	む
VŨ	宇	う
VŨ	羽	う
VŨ	雨	う
VŨ	侮	ぶ
VŨ	舞	ぶ
VU	務	む
VU	霧	む
VỨC	域	いき
VƯƠNG	王	おう
X		
XÀ	車	しゃ
XÀ	蛇	じや
XÀ	蛇	だ
XÃ	捨	しゃ
XÁ	社	しゃ
XÁ	舍	しゃ
XẠ	赦	しゃ
XÁC	射	しゃ
XÁC	殼	かく
XÁC	確	かく
XÁO	巧	こう
XÂM	侵	しん
XÍ	齒	し
XÍ	企	き
XÍCH	尺	しゃく
XÍCH	斤	せき
XÍCH	赤	せき
XU	枢	すう
XÚ	臭	しゅう
XÚ	醜	しゅう
XUÂN	春	しゅん
XUẤT	出	しゅつ
XUẤT	出	すい
XÚC	触	しょく
XÚC	促	そく
XUNG	衝	しよう
XUNG	冲	ちよう
XUY	吹	すい
XUY	炊	すい
XUYÊN	川	せん
XUYÊN	栓	せん
XỨ	处	しょ
XUNG	称	しょう
XƯỚNG	唱	しょう
Y		
Y	医	い
Y	衣	い
Y	依	い
Y	依	え
Y	意	い
YÊN	煙	えん
YÊN	宴	えん
YẾT	揭	けい